TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày: 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Thị Cẩm

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Thái, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Tụ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Phan Văn Đ (tên gọi khác: Ú), sinh ngày 10 tháng 9 năm 1972, tại Đ, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Võ Thị H1, sinh năm 1933;

Vợ: Lê Thị Huyền T, sinh năm 1988;

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án: Ngày 14/8/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật hình sự. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2019 nhưng chưa chấp hành xong án phí dân sự trong vụ án hình sự và trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Thới Thị B, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Ngọc T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố D, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Bà Phan Thị D, sinh năm 1944; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Đỗ Thị Trúc P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố D, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2022, con trai của bà Thới Thị B là Nguyễn Trọng Đ1 và Nguyễn Văn Đ2 có hành vi hiếp dâm người khác, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q thụ lý điều tra.

Khoảng ngày 27/5/2022, bà B đến Cửa hàng điện thoại của bà Đỗ Thị Trúc P tại Tổ dân phố D, Phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi mua điện thoại và nói chuyện với bà P về việc con trai hiếp dâm người khác. Lúc này, ông Phan Ngọc T1 (chồng bà P) ở nhà nghe thấy nên đi ra, thấy bà B vừa kể vừa khóc nên ông T1 nói "Con có quen ông anh làm ăn quen biết nhiều người, để con dẫn cô vào gặp ổng thử xem có giúp được cô hay không". Nghe vậy, bà B nói "dẫn cô vào để cô nói chuyện thử". Sau đó, bà B đi về. Đến chiều cùng ngày, bà Ba cùng con trai là Nguyễn Trọng Đ1 đến nhà ông T1 và được ông T1 dẫn đến quán C, thuộc thôn M, xã P, thị xã Đ. Tại đây, gặp Phan Văn Đ, ông T1 nói "Có bà cô có công việc này anh xem thử có giúp được không" thì Đ nói vào nhà, bà Ba c với Đ1 vào nhà, còn ông T1 đi về. Khi vào nhà, bà B kể chuyện con bà liên quan đến vụ hiếp dâm, nhờ Đ giúp thì Đ trao đổi số điện thoại và nói có gì liên lạc sau. Hôm sau, bà B tiếp tục đến nhà Đ nhờ giúp đỡ. Lúc này, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà B nên mặc dù biết không có khả năng giúp đỡ hoặc nhờ người khác giúp nhưng vẫn đồng ý giúp lo cho con trai bà B.

Chiều ngày 31/5/2022, Đ điện thoại cho bà B yêu cầu đưa tiền để Đông lo cho con trai bà B thì bà B nói có 20.000.000đồng, Đ nói bà B mang số tiền trên đến Trạm xe buýt thuộc phường P, thị xã Đ đưa cho Đ. Sau đó, Đ tiếp tục điện thoại

nói với bà B số tiền lo cho con trai bà B là 100.000.000đồng thì bà B thống nhất. Từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2022 Đ trực tiếp đến nhà của bà B lấy tiền của bà B thêm 04 lần với tổng số tiền là 80.000.000đồng (mỗi lần 20.000.000đồng).

Đến khoảng tháng 7/2023, do nghi ngờ Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình nên bà B đòi lại số tiền đã đưa cho Đ và dọa tố cáo Đ đến cơ quan chức năng. Sau đó, Đ đã trả lại cho bà B số tiền 25.000.000đồng, số tiền còn lại Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS-ĐP ngày 06/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phan Văn Đ về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Văn Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Đối với bà Thới Thị B: Bà B có hành vi đưa số tiền 100.000.000đồng cho Phan Văn Đ để lo cho con trai nhẹ tội. Tuy nhiên, việc bà B đưa số tiền trên cho Đ là do Đ đưa ra những thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền trên. Vì vậy, không xem xét, xử lý bà B về hành vi đưa hối lộ.

Đối với ông Phan Ngọc T1: Ông T1 chỉ dẫn bà B đến gặp Đ, sau đó bà B và Đ tự trao đổi, ông T1 không biết nội dung trao đổi và cũng không nhận được lợi ích gì từ bà B và Đ. Vì vậy, không xem xét xử lý đối với ông T1.

Về dân sự: Phan Văn Đ đã trả lại cho bà Thới Thị B số tiền 25.000.000đồng và cùng với gia đình bồi thường cho bà B số tiền 5.000.000đồng. Tổng cộng Đ đã bồi thường cho bà B số tiền 30.000.000đồng; bà B yêu cầu Đ bồi thường thêm số tiền 70.000.000đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) USB màu trắng, bên trên có ghi dòng chữ TransMemory, bên trong có 13 file ghi âm cuộc gọi được lưu vào hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn Đ và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm

quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng bà Đỗ Thị T2 P vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phan Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo Phan Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Xuất phát từ việc bà Thới Thị B nhờ Phan Văn Văn Đ lo con của bà B được nhẹ tội (con của bà B đang bị điều tra về tội hiếp dâm), mặc dù Phan Văn Đ biết mình không có khả năng giúp đỡ hoặc nhờ người khác giúp nhưng do muốn chiếm đoạt tiền của bà B nên Đ vẫn đồng ý giúp lo cho con trai bà B. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022, Phan Văn Đ đã đưa ra các thông tin gian dối sẽ lo giúp cho con trai của bà B được nhẹ tội và yêu cầu bà B đưa tiền cho bị cáo 05 lần, mỗi lần 20.000.000đồng, tổng cộng 100.000.000đồng. Sau khi nhận số tiền trên của bà B thì bị cáo đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên để tiêu xài cá nhân.

[4] Khi thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền nêu trên của bà B thì bị cáo Phan Văn Đ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Đ đã chiếm đoạt của bà Thới Thị B là 100.000.000đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo Phan Văn Đ về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi của bị cáo Phan Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Mặc dù ngày 14/8/2015 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 07 năm tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo vẫn không biết ăn năn hối cải, không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân thành người công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo trong việc chấp hành pháp luật, cũng như để phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn Đ đưa ra những thông tin gian dối để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của bà Thới Thị B 05 lần, mỗi lần 20.000.000đồng. Ngoài ra, ngày 14/8/2015 bị cáo Phan Văn Đ đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 07 năm tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm*

đoạt tài sản", tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà B thì bị cáo chưa được đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* và *"Tái phạm"* quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Văn Đ. Mặc dù bị cáo Phan Văn Đ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Thới Thị B 05 lần nhưng bị cáo có nghề nghiệp; không có căn cứ chứng minh bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, cũng như lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Do đó, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp"* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phan Văn Đ đã thành khẩn khai báo, tự nguyện trả lại cho bị hại 25.000.000đồng và tác động gia đình bồi thường cho bị hại 5.000.000đồng để khắc phục hậu quả. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[8] Đối với bà Thới Thị B: Bà B có hành vi đưa số tiền 100.000.000đồng cho Phan Văn Đ để lo cho con trai nhẹ tội. Tuy nhiên, việc bà B đưa số tiền trên cho Đ là do Đ đưa ra những thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền trên. Vì vậy, không xem xét, xử lý bà B về hành vi đưa hối lộ.

[9] Đối với ông Phan Ngọc T1, là người dẫn bà Thới Thị B đến gặp Phan Văn Đ. Tuy nhiên, sau khi dẫn bà B đến gặp Đ thì ông T1 đi về, không biết nội dung trao đổi giữa bà B với bị cáo Đ, không nhận được lợi ích gì từ bà B và Đ. Vì vậy, không xem xét xử lý đối với ông T1.

[10] Về dân sự: Bị cáo Phan Văn Đ đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Thới Thị B số tiền 100.000.000đồng. Sau đó, bị cáo đã trả lại cho bà B số tiền 25.000.000đồng và tác động gia đình bồi thường cho bà B số tiền 5.000.000đồng. Tổng cộng bị cáo Đ đã bồi thường cho bà B số tiền 30.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Thới Thị B yêu cầu Phan Văn Đ bồi thường thêm số tiền 70.000.000đồng. Do đó, cần buộc bị cáo Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà B số tiền 70.000.000đồng.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) USB màu trắng, bên trên có ghi dòng chữ TransMemory, bên trong có 13 file ghi âm cuộc gọi, được lưu vào hồ sơ vụ án.

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Phan Văn Đ phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu: 70.000.000đồng x 5% = 3.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 31/5/2024).

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Thới Thị B số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phan Văn Đ phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- CQCSĐT Công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Đức Phổ;
- Phòng NVLT Công an thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong